

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2026/HS-PT  
Ngày 08 tháng 4 năm 2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Tâm.

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Minh Tâm;

Bà Phạm Thị Minh Châu;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 07 /2026/HSPT-QĐ ngày 20/3/2026 đối với bị cáo Nguyễn Mai Trung H; do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9- An Giang.

**- Bị cáo: Nguyễn Mai Trung H**, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1996; CCCD: 089096014282; nơi sinh: xã H, tỉnh An Giang; nơi cư trú: số D, tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: buôn bán; giới tính: nam; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam con ông Nguyễn Thành T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); vợ là Thái Kiều L (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Ngô Quốc T1, sinh năm 1968 CCCD: 089068003242; nơi cư trú: Số E N, Ấp T, xã C, tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2025, nhận được tin tố giác của quần chúng nhân dân, tại quán C, địa chỉ tại số D, tổ A, khóm Đ, phường M, tỉnh An Giang, có đối tượng cho vay lãi nặng, nên lực lượng Công an phường đến địa điểm trên kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra, công an bắt quả tang Nguyễn Mai Trung H đang thu 8.000.000 đồng tiền lãi của ông Ngô Quốc T1. Do đó, công an tiến hành lập biên bản và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ được:

- Tiền Việt Nam 8.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax, màu xám có gắn sim số 0899990252; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 promax, màu xám có gắn sim số 0914893359.

- 01 quyển tập học sinh có bìa màu đen, bên trong có ghi số và chữ viết.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Mai Trung H có kinh doanh quán cà phê. Để tăng thêm thu nhập, từ ngày 10 tháng 02 năm 2025 đến ngày 29 tháng 8 năm 2025, H cho ông T1 vay tiền nhiều lần, mỗi lần cho vay từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, hình thức vay trả lãi theo ngày, với lãi suất 1%/ngày, tương đương 30%/tháng, khi cho vay không lập hợp đồng, không giữ giấy tờ tùy thân. H sử dụng tài khoản ngân hàng số 0914893359 mở tại Ngân hàng TMCP H2 - Chi nhánh A để chuyển khoản tiền vay và nhận tiền lãi, còn anh T1 sử dụng tài khoản ngân hàng số 039525552 mở tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh A để nhận tiền vay và chuyển trả lãi cho H. Tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2025, H đã cho ông T1 vay với tổng số tiền là 475.000.000 đồng và ngày 20 tháng 02 năm 2025, ông T1 trả tiền vay cho H được 50.000.000 đồng, còn nợ lại H 425.000.000 đồng. H đã nhận của ông T1 tổng số tiền lãi là 341.749.000 đồng, thu lợi bất chính 260.318.722 đồng.

Tại Bản án số 08/2026/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang đã căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai Trung H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án (09 tháng 01 năm 2026).

Giao bị cáo Nguyễn Mai Trung H cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Mai Trung H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Mai Trung H. Trường hợp bị cáo Nguyễn Mai Trung H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo H có trách nhiệm nộp 816.749.000 (tám trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này được trừ vào phần tiền 100.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000036 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang và 8.000.000 (tám triệu) đồng bị thu giữ (nằm trong tài khoản số 3949.01054197.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, theo Ủy nhiệm chi ngày 29/12/2025) để xử lý theo quy định. Bị cáo H còn phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước là 708.749.000 (bảy trăm lẻ tám triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn) đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám (đã qua sử dụng) có gắn sim 0914893359 và 8.000.000 đồng (trong tài khoản số 3949.01054197.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang được mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XXX).

Tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu xám (đã qua sử dụng), có gắn sim số 0899990252.

(Vật chứng theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – An Giang)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/01/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS. Nội dung kháng nghị:

1. Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh An Giang về áp dụng pháp luật, hình phạt bổ sung và biện pháp tư pháp.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh An Giang:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, tuyên xử bị cáo Nguyễn Mai Trung H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án, về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị tuyên buộc bị cáo Nguyễn Mai Trung H có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá quy định là 260.318.722 đồng, thu lợi bất chính để trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Quốc T1.

Bị cáo Nguyễn Mai Trung H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quốc T1 không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang giữ nguyên kháng nghị.

- Bị cáo Nguyễn Mai Trung H thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử, không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang. Bị cáo không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả lại tiền gốc 425.000.000 đồng mà sẽ tự thỏa thuận riêng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Quốc T1 thống nhất nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; thống nhất ý kiến của bị cáo về việc tự thỏa thuận với nhau về số tiền gốc chưa trả là 425.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tính hợp pháp kháng nghị: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ban hành trong hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang (theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS ngày 27/01/2026), sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang ban hành trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng nghị phù hợp quy định tại các Điều 336, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

## [3] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Mai Trung H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Quốc T1 cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra, có đủ căn cứ xác định, từ ngày 10 tháng 02 năm 2025 đến ngày 29 tháng 8 năm 2025, bị cáo H đã có hành vi cho ông T1 vay nhiều lần với tổng số tiền gốc là 475.000.000 đồng, mức lãi suất là 1% mỗi ngày (tương đương 30%/tháng), ông T1 đã trả gốc được 50.000.000 đồng, nộp lãi cho H số tiền 341.749.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 81.430.270 đồng. H thu lợi bất chính từ số tiền lãi do ông T1 nộp là 260.318.722 đồng. Hành vi của bị cáo H cho ông T1 vay tiền với mức lãi suất vượt quá quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (18 lần) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, áp dụng hình phạt đối với bị cáo theo tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4.1] Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, buộc bị cáo chấp hành thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án là có căn cứ. Tuy nhiên, trong phần nhận định của bản án không đề cập đến điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo. Tại phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 38 Bộ luật Hình sự không áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để tuyên mức hình phạt tù cho hưởng án treo là có sai sót trong nhận định, áp dụng pháp luật. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4.2] Tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, nhưng không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định để miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không phù hợp, chưa đánh giá đúng tính chất của vụ án. Bởi vì, bị cáo phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính với số tiền lớn thì không có căn cứ cho rằng bị cáo không có tài sản, thu nhập. Việc miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là không có căn cứ và chưa thực hiện đúng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật. Do đó, chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

[4.3] Đối với số tiền lãi bị cáo H đã thu của ông T1 vượt quá tiền lãi theo quy định của pháp luật là 260.318.722 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính. Quá trình điều tra xác định ông T1 không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo H nộp để sung vào ngân sách Nhà nước là không đúng hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1. Tại phiên tòa, ông T1 thống nhất với nội dung kháng nghị, đề nghị xem xét trả lại cho ông T1 khoản tiền lãi bị cáo thu vượt quá quy định là phù hợp. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận. Xét buộc bị cáo H trả lại cho ông T1 số tiền lãi 260.318.722 đồng.

[4.4] Đối với số tiền gốc bị cáo H sử dụng cho ông T1 vay, tổng cộng là 475.000.000 đồng, đây phương tiện phạm tội, nên bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, ông T1 đã trả cho bị cáo H 50.000.000 đồng, còn lại 425.000.000 đồng ông T1 chưa trả. Như vậy, số tiền là phương tiện phạm tội do bị cáo H chiếm hữu, sử dụng là 50.000.000 đồng; ông T1 chiếm hữu, sử dụng là 425.000.000 đồng nên phải tuyên buộc bị cáo H và ông T1 nộp lại số tiền đang chiếm hữu, sử dụng để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc bị cáo nộp toàn bộ số tiền 475.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước và nhận định: *“Đối với số tiền vốn vay 425.000.000 đồng, ông Ngô Quốc T1 chưa trả bị cáo H đây là giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị cáo và ông T1 yêu cầu được tự thương lượng với nhau. Do đó, trường hợp bị cáo và ông T1 có phát sinh tranh chấp với nhau thì được giải quyết bằng vụ án dân sự”* là không phù hợp vì giao dịch giữa bị cáo H với ông T1 là trái pháp luật, vi phạm pháp luật hình sự nên phải được giải quyết trong vụ án hình sự.

Mặc dù Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không kháng nghị nội dung này nhưng căn cứ Điều 345 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy cần thiết xem xét sửa bản án sơ thẩm về xử lý tịch thu phương tiện phạm tội, việc này không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

Xét buộc bị cáo H và ông T1 nộp lại số tiền là phương tiện phạm tội để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Bị cáo H nộp 50.000.000 đồng; ông T1 nộp 425.000.000 đồng.

[4.5] Tổng số tiền bị cáo H phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là: 131.430.270 đồng (gồm: tiền gốc 50.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định của pháp luật đã nhận: 81.430.270 đồng);

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000036 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang và 8.000.000 đồng bị thu giữ (nằm trong tài khoản số 3949.01054197.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, theo Ủy nhiệm chi ngày 29/12/2025) để đảm bảo cho thi hành án.

[4.6] Đối với phần xử lý vật chứng, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: *“Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám (đã qua sử dụng) có gắn sim 0914893359 và 8.000.000 đồng (trong tài khoản số 3949.01054197.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang được mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XXX”*.

Xét thấy, bản án sơ thẩm đã tuyên số tiền bị cáo H có trách nhiệm nộp để sung vào ngân sách nhà nước đã được trừ vào phần tiền 100.000.000 đồng bị cáo đã nộp (Biên lai thu số 0000036 ngày 06/01/2026) và 8.000.000 đồng bị thu giữ (nằm trong tài khoản số 3949.01054197.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, theo Ủy nhiệm chi ngày 29/12/2025). Quá trình điều tra xác định số tiền 8.000.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền lãi do ông T1 nộp đã được xác định nằm trong tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 260.318.722 đồng. Nội dung này đã được cấp phúc thẩm nêu tại mục [4.5] của bản án. Do đó, không cần thiết tuyên tịch thu số tiền 8.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo, xét cần thiết sửa một phần nội dung xử lý vật chứng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng điều luật của Bộ luật sự, xử phạt tiền đối với bị cáo H và biện pháp tư pháp về xử lý tiền thu lợi bất chính là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không phải chịu.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9- tỉnh An Giang;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mai Trung H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai Trung H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (09 tháng 01 năm 2026).

Giao bị cáo Nguyễn Mai Trung H cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Nguyễn Mai Trung H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao;

Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Mai Trung H là **30.000.000 đồng** (ba mươi triệu đồng).

### 3. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo H có trách nhiệm nộp số tiền 131.430.270 đồng (gồm: tiền gốc 50.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định của pháp luật đã nhận: 81.430.270 đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Ngô Quốc T1 nộp lại số tiền 425.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo H có trách nhiệm trả lại cho ông Ngô Quốc T1 số tiền lãi đã thu vượt quy định pháp luật: 260.318.722 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng bị cáo H đã nộp theo Biên lai thu số 0000036 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang và 8.000.000 đồng thu giữ của bị cáo H (trong tài khoản số 3949.01054197.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, theo Ủy nhiệm chi ngày 29/12/2025) để đảm bảo cho thi hành án.

### 4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám (đã qua sử dụng) có gắn sim 0914893359;

Tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ thi án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu xám (đã qua sử dụng), có gắn sim số 0899990252.

(Vật chứng theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – An Giang)

Bị cáo Nguyễn Mai T H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9- An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng CSTHAHS và HTTP Công an tỉnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân khu vực 9- An Giang;
- Viện KSND khu vực 9- An Giang;
- Bị cáo;
- Phòng GDKT, TTr và THA;
- Văn phòng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Huỳnh Thanh Tâm**